

Bản án số: 45/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 24-4-2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Ông Ngô Bá Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị D, sinh năm 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã Phước H, huyện M, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1973; Nơi cư trú: ấp P, xã Phước H, huyện M, tỉnh Bến Tre .

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, sinh năm 1967; Nơi cư trú: khu phố 3, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị D, bà T và anh H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2023, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Võ Thị D trình bày:

Chị và anh H do mai mối tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Thới B vào ngày 14/9/1998. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng khó khăn, anh H cờ bạc, không lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Huỳnh Nhật D1, sinh ngày 01/01/1998, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị còn nợ bà Lê Thị T số tiền thức ăn là 213.155.000 đồng nhưng chị với anh H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Huỳnh Văn H vắng mặt tại Tòa nên không có lời trình bày.

Bà Lê Thị T vắng mặt tại Tòa nhưng có lời trình bày như sau: Chị D và anh H còn thiếu bà số tiền thức ăn là 213.155.000 đồng, nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà để bà với anh H, chị D tự thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được bà sẽ khởi kiện vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh H cụ thể:

- + Về hôn nhân: chị D và anh H được ly hôn với nhau.
- + Về con chung: đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.
- + Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 của chị Võ Thị D đối với anh Huỳnh Văn H thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Huỳnh Văn H có nơi cư trú tại xã Phước H, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh H đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh H đến để tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do đồng thời chị D, bà T cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D, anh H và bà T là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Võ Thị D và anh Huỳnh Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 14/9/1998 tại UBND xã Thành Thới B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ 2022 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ sau khi Tòa thụ lý hồ sơ vụ án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải cho anh H biết để anh đến Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia hoà giải với chị D nhằm tìm biện pháp tích cực để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng anh H vẫn cố tình không đến, điều đó chứng tỏ anh H cũng không có thiện chí đoàn tụ với chị D. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh H là phù hợp.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Võ Thị D và anh Huỳnh Văn H có 01 con chung tên Huỳnh Nhựt D1, sinh ngày 01/01/1998. Hiện con của chị D và anh H đã trưởng thành, đồng thời chị D và anh H cũng không có yêu cầu gì đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Chị D trình bày chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà T với chị D và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Võ Thị D phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị D đối với anh Huỳnh Văn H, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Võ Thị D và anh Huỳnh Văn H được ly hôn với nhau.
2. Về con chung: Huỳnh Nhựt D1, sinh ngày 01/01/1998, đã trưởng thành, đồng thời chị D và anh H cũng không có yêu cầu gì đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- 3 Về tài sản chung: Chị D trình bày chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Bà T với chị D và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Võ Thị D có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001189 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Thành Thới B (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm